

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HSST

Ngày: 09/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bà Lò Thị Dĩnh.

2. Ông Ngô Q Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/HSST ngày 13/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn Th (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 01/5/1991; tại tỉnh B; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn ĐĐĐ, huyện Đ, tỉnh B quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ mú; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12 phổ thông; con ông: Lò Văn T, sinh năm 1973 và bà: Lương Thị T1, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tiền sự: Không.

- Nhân Th: Ngày 06/09/2013, Lò Văn Th bị Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng, đến ngày 06/7/2015 chấp hành xong về địa phương sinh sống.

- Bị cáo Lò Văn Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/8/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

Bà: Đặng Thị O, sinh năm 1974; địa chỉ: SN 198, tổ dân phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông: Trần Văn Q, sinh năm 1994; địa chỉ: SN 03, bản N, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*).

2. Ông: Trần Thế V, sinh năm 1968; địa chỉ: SN 03, bản N, phường T,

thành phố Đ, tỉnh B (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 06/8/2019, Lò Văn Th đi thăm người ốm ở Bệnh viện đa khoa tỉnh B thuộc tổ 12, phường N, thành phố Đ. Khi đi đến buồng bệnh số 9, khoa ngoại tổng hợp thấy cửa mở, Th quan sát trong phòng mọi người đang ngủ, xung quanh không có người, phía cuối giường gần cửa ra vào có 01 chiếc điện thoại iPhone 7 Plus, có vỏ ốp của chị Đặng Thị O đang cắm sạc điện nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Th đi vào rút điện thoại ra khỏi dây sạc điện rồi cầm chiếc điện thoại ra khỏi phòng cho vào túi quần bên phải đang mặc. Sau khi đã lấy được điện thoại, Th mang đến quán rửa xe của anh Trần Văn Q (Là người quen qua Face book của Th) ở SN 30, tổ dân phố 18, phường M, thành phố Đ. Th nói dối là điện thoại của em gái bán cho anh Q được 2.000.000 đồng và Q các thêm cho Th 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4.

Trên đường mang chiếc điện thoại đi bán, Th đã tháo sim vút ở đường gần cây xăng phường N, thành phố Đ, cơ quan điều tra không thu giữ được; số tiền bán điện thoại Th đã chi tiêu cá nhân hết; chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4 Th đã làm mất, cơ quan điều tra không thu giữ được; anh Q và ông Trần Thế V (Bố Q) không biết chiếc điện thoại do phạm tội mà có nên đã bán cho người không quen biết, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 17/9/2019, cơ quan điều tra Công an thành phố Đ có yêu cầu định giá tài sản chiếc điện thoại iPhone 7 Plus, có vỏ ốp mà Th trộm cắp của chị Đặng Thị O. Tại bản kết luận định giá tài sản số 66/QĐ ngày 17/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Tổng giá trị tài sản định giá tại thời điểm là 8.170.000 đồng (*Tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đặng Thị O yêu cầu bị cáo Lò Văn Th yêu cầu bị cáo Th bồi thường cho chị O số tiền 8.170.000 đồng.

Cáo trạng số 01/CT-VKSTPĐBP ngày 12/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B đã truy tố bị cáo Lò Văn Th về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giữ quyền công tố và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lò Văn Th về tội: "Trộm cắp tài sản", đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn Th từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 60/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo Lò Văn Th phải thi hành hình phạt chung của 02 bản án

từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2019.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lò Văn Th bồi thường cho chị Đặng Thị O số tiền 8.170.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn Th.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố là đúng; không có lời bào chữa; không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm; phù hợp với trích xuất, sao lưu dữ liệu tại hệ thống camera an ninh của bệnh viện đa khoa tỉnh B; phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 06/8/2019, tại buồng bệnh số 9, khoa ngoại tổng hợp - Bệnh viện đa khoa tỉnh B thuộc tổ 12, phường N, thành phố Đ. Lò Văn Th đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại iPhone 7 Plus, có vỏ ốp kèm 01 sim của chị Đặng Thị O có tổng trị giá 8.170.000 đồng; Lò Văn Th là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có cơ sở đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội: Do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, lười lao động mà lại muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Lò Văn Th đã lợi dụng sơ hở khi quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút, bí mật trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá 8.170.000 đồng; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của Lò Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, vi phạm pháp luật.

[3] Xét về nhân Th và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Lò Văn Th có nhân Th xấu: Bản Th là người nghiện, lệ thuộc vào ma túy; ngày 06/09/2013, bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục bắt

buộc 24 tháng, đến ngày 06/7/2015 chấp hành xong; ngày 23/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xử phạt 02 năm tù, đến ngày 20/02/2018 được ra trại, bản án này chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; ngày 04/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo 15 tháng tù, bản án này chưa thi hành; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ông nội là người nuôi dưỡng bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản riêng; nghiện và lệ thuộc vào ma túy nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 355839086172770, điện thoại có 01 vỏ ốp kèm 01 sim do vậy không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại chị Đặng Thị O yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.170.000 đồng là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc Lò Văn Th phải bồi thường cho bà Đặng Thị O số tiền 8.170.000 đồng.

Ông Trần Thế V và anh Trần Văn Q không yêu cầu bị cáo Lò Văn Th bồi thường nên HĐXX không giải quyết.

[7] Về án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

- Án phí: Bị cáo Lò Văn Th là cá nhân thuộc hộ nghèo nên căn cứ theo Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với ông Trần Thế V và anh Trần Văn Q khi mua và bán chiếc điện thoại của Th không biết do Th phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý về hình sự, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

- Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn Th 12 (Mười hai) tháng tù; tổng hợp hình phạt của Bản án số 60/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Lò Văn Th phải thi hành hình phạt chung của 02 bản án là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn Th.

3. Vật chứng: Không giải quyết.

4. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn Th bồi thường cho chị Đặng Thị O trị giá chiếc điện thoại là 8.170.000 đồng (*Tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Phòng HSNV Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THA hình sự;
- lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Định